

Số: 135 /ĐA-UBND

Xín Mần, ngày 04 tháng 6 năm 2025

ĐỀ ÁN

**Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với
giáo viên mầm non, phổ thông từ hạng III lên hạng II,
Kế toán viên hạng IV lên hạng III huyện Xín Mần năm 2025**

Phần I

CĂN CỨ PHÁP LÝ, SỰ CẦN THIẾT VÀ THỰC TRẠNG

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi bổ sung một số điều một số điều của Luật Cán bộ, công chức số và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2029.

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nội vụ về ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Thông tư số 01,02,03/2021/TT-BGDĐT và Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập;

Căn cứ Thông tư số 66/2024/TT-BTC ngày 06/9/2024 của Bộ Tài chính quy định chức danh, mã số, tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành kế toán và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ kế toán viên lên kế toán viên chính trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 782/QĐ-UBND ngày 29/5/2025 của UBND tỉnh Hà Giang về việc phê duyệt chỉ tiêu và uỷ quyền tổ chức xét thăng hạng CDNN đối với viên chức từ hạng III lên hạng II và từ hạng IV lên hạng III trực thuộc các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và UBND các huyện;

Căn cứ Kết luận số 60/KL-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Thường trực UBND huyện về việc thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức.

II. SỰ CẦN THIẾT

Ngày 07/12/2023, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 85/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, theo đó việc tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, chỉ còn hình thức xét thăng hạng thông qua việc thẩm định hồ sơ của viên chức. Hiện nay Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư quy định tiêu chuẩn xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng III lên hạng II, phù hợp với quy định tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP, gồm: Thông tư 01,02,03,04/2021/TT-BGDĐT sửa đổi tại Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 66/2024/TT-BTC ngày 06/9/2024 của Bộ Tài chính quy định chức danh, mã số, tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành kế toán và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ kế toán viên lên kế toán viên chính trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Đầu năm 2024 Ủy ban nhân dân huyện Xín Mần đã hoàn thành việc ban hành Quyết định phê duyệt danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc, khung năng lực từng vị trí việc làm và cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn huyện.

Việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng III lên hạng II và hạng IV lên hạng III huyện Xín Mần năm 2025 là một bước quan trọng gắn liền với đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ viên chức; đảm bảo cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức theo vị trí việc làm trong các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập. Động viên, khuyến khích đội ngũ viên chức học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác; nhằm xây dựng và phát triển đội ngũ viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn huyện Xín Mần đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng, hợp lý về cơ cấu chức danh nghề nghiệp theo vị trí việc làm, việc xây dựng Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng III lên hạng II và hạng IV lên hạng III năm 2025 của huyện Xín Mần là cần thiết.

Viên chức được thăng hạng chức danh nghề nghiệp sẽ tương ứng với vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập, thể hiện được thứ hạng về trình độ và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ theo từng vị trí công tác, đồng thời là căn cứ để xác định cơ cấu viên chức, thực hiện đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá kịp thời chế độ tiền lương và các chính sách đãi ngộ khác đối với viên chức đang công tác tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện Xín Mần hiện nay.

III. THỰC TRẠNG SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC

1. Số lượng, cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hiện có (đối với các đơn vị đăng ký nhu cầu dự xét thăng hạng)

Theo Quyết định số 782/QĐ-UBND ngày 29/5/2025 của UBND tỉnh Hà Giang, tổng số viên chức hiện có của các đơn vị đăng ký nhu cầu thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng III lên hạng II và hạng IV lên hạng III năm 2025 là 37

người, gồm: giáo viên mầm non hạng II: 15 người, giáo viên tiểu học hạng II: 16 người, giáo viên THCS hạng II: 04 người, kế toán viên hạng III: 02 người.

2. Số lượng viên chức ứng với chức danh nghề nghiệp dự xét còn thiếu theo yêu cầu vị trí việc làm

- Giáo viên mầm non, phổ thông hạng II còn thiếu theo yêu cầu VTVL: 78 chỉ tiêu.

- Kế toán viên hạng II: còn thiếu theo yêu cầu VTVL: 02 chỉ tiêu.

3. Số lượng chỉ tiêu đề nghị thăng hạng chức danh nghề nghiệp

- Giáo viên mầm non, phổ thông hạng II còn thiếu theo yêu cầu VTVL: 35 chỉ tiêu.

- Kế toán viên hạng II: còn thiếu theo yêu cầu VTVL: 02 chỉ tiêu.

(Có biểu chi tiết số 01 kèm theo).

Phần II

NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN

I. ĐỐI TƯỢNG, CĂN CỨ, NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC, TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KÝ DỰ XÉT THĂNG HẠNG

1. Về đối tượng

Đối tượng tham gia xét thăng hạng CDNN từ hạng III lên hạng II bao gồm viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; thăng hạng CDNN từ hạng IV lên hạng III gồm Kế toán viên han tại các trường học thuộc UBND huyện.

2. Căn cứ, nguyên tắc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Theo quy định tại Điều 31, Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về căn cứ, nguyên tắc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp như sau:

2.1. Việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phù hợp với cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2.2. Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp nếu đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu và đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật.

2.3. Kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được tổ chức theo nguyên tắc bình đẳng, công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ:

3.1. Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp cao hơn liền kề khi có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức quy định tại Điều 56 Luật Viên chức được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

b) Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp;

c) Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng;

Trường hợp viên chức được miễn thi môn ngoại ngữ, tin học theo quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều 39 Nghị định này thì đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn ngoại ngữ, tin học của chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng;

d) Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng.

Trường hợp viên chức trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo đúng quy định của Luật bảo hiểm xã hội, làm việc ở vị trí việc làm có yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp (nếu có thời gian công tác không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn) và thời gian đó được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng tính làm căn cứ xếp lương ở chức danh nghề nghiệp hiện giữ thì được tính là tương đương với hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ.

Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề so với hạng chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

3.2. Các Thông tư quy định cụ thể tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức thuộc ngành, lĩnh vực của Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành.

II. CHỈ TIÊU THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

1. Về chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Trên cơ sở danh sách đăng ký của các cơ quan, đơn vị; vị trí việc làm và các tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng theo quy định, tổng số chỉ tiêu thăng

hạng chức danh nghề nghiệp là **37 chỉ tiêu**, trong đó gồm các chức danh nghề nghiệp như sau:

- Thăng hạng CDNN giáo mầm non hạng III lên hạng II: 15 chỉ tiêu;
- Thăng hạng CDNN giáo viên tiểu học hạng III lên hạng II: 16 chỉ tiêu;
- Thăng hạng CDNN giáo viên THCS hạng III lên hạng II: 04 chỉ tiêu;
- Thăng hạng CDNN kế toán viên hạng IV lên hạng III: 02 chỉ tiêu.

2. Danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông từ hạng III lên hạng II, kế toán viên từ hạng IV lên hạng III năm 2025

Căn cứ các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành; vị trí việc làm của các cơ quan, đơn vị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, sau khi xem xét, tổng số viên chức có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông từ hạng III lên hạng II, kế toán viên từ hạng IV lên hạng III huyện Xín Mần năm 2025, gồm **37 người**.

(Có biểu chi tiết số 02 kèm theo).

III. DỰ KIẾN HỘI ĐỒNG XÉT, BAN GIÁM SÁT VÀ CÁC BỘ PHẬN LIÊN QUAN

1. Hội đồng xét thăng hạng

Căn cứ Điều 38, Nghị định 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ; dự kiến Hội đồng xét thăng hạng gồm 05 thành viên:

- Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng: Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Phó Chủ tịch Hội đồng: Trưởng phòng Nội vụ;
- 02 Ủy viên Hội đồng, gồm Lãnh đạo phòng Giáo dục và Đào tạo;
- Ủy viên, kiêm thư ký Hội đồng: Lãnh đạo hoặc công chức phòng Nội vụ.

Nhiệm vụ của Hội đồng thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 38, Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ.

Nhiệm vụ của các Ủy viên do Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng phân công.

2. Ban Giám sát

Ban Giám sát kỳ xét thăng hạng do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập, số lượng gồm 03 người là cán bộ, công chức thuộc các cơ quan, đơn vị:

- Trưởng ban: Lãnh đạo UBKT Huyện uỷ;
- Thành viên Trưởng ban pháp chế HĐND huyện;
- Thành viên kiêm thư ký: Lãnh đạo UBMTTQ huyện.

Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Giám sát thực hiện theo Điều 36, Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nội vụ.

3. Ban Thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Ban Thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức (*sau đây viết tắt là Ban Thẩm định hồ sơ*) do Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng thành lập, gồm: Trưởng ban và các thành viên, trong đó có một thành viên kiêm Thư ký là cán bộ, công chức thuộc các cơ quan, đơn vị:

- Trưởng ban Thẩm định hồ sơ: Lãnh đạo Phòng Nội vụ;
- Thư ký Ban: công chức Nội vụ;
- Thành viên thẩm định hồ sơ: Gồm 07 người là lãnh đạo phòng (*hoặc chuyên viên*) thuộc phòng Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo, Tài chính – Kế hoạch.

Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thẩm định hồ sơ thực hiện theo khoản 2, 3, Điều 34 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nội vụ.

4. Tổ giúp việc Hội đồng xét thăng hạng

Tổ giúp việc Hội đồng xét thăng hạng (*gọi tắt là Tổ giúp việc*) do Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng thành lập, gồm: Tổ trưởng và các thành viên là cán bộ, công chức thuộc Phòng Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo.

Nhiệm vụ của Tổ giúp việc: Giúp việc Hội đồng xét thăng hạng từ khâu chuẩn bị đến các khâu khác cho đến khi hoàn thành nhiệm vụ Kỳ xét thăng hạng theo quy định.

IV. HỒ SƠ; ĐỊA ĐIỂM THU HỒ SƠ; LỆ PHÍ XÉT THĂNG HẠNG VÀ QUẢN LÝ HỒ SƠ DỰ XÉT

1. Về hồ sơ

Hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ và các Thông tư của Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành; hồ sơ bao gồm:

1.1. Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

1.2. Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

1.3. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng;

Trường hợp viên chức có bằng tốt nghiệp chuyên môn đã chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học theo quy định mà tương ứng với yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ, tin học;

Trường hợp viên chức được miễn xét môn ngoại ngữ, môn tin học quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều 39 Nghị định 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ, thì được miễn chứng chỉ ngoại ngữ, chứng chỉ tin học;

1.4. Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng.

Hồ sơ đăng ký dự xét của mỗi viên chức được bỏ vào một bì đựng riêng có kích thước 250 x 340 x 5mm.

2. Địa điểm thu hồ sơ: Bộ phận một cửa huyện Xín Mần.

Các đơn vị trường học trực tiếp thu hồ sơ của viên chức đăng ký dự xét và nộp tại Bộ phận một cửa huyện Xín Mần.

3. Lệ phí xét thăng hạng: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

4. Quản lý hồ sơ: Cơ quan, đơn vị cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức được cử tham dự xét thăng hạng và lưu giữ, quản lý hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng của viên chức theo quy định của pháp luật (*theo quy định tại khoản 2, Điều 35 Nghị định 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ*).

V. NỘI DUNG, HÌNH THỨC, ĐỊA ĐIỂM, THỜI GIAN XÉT THĂNG HẠNG

1. Nội dung xét: Xét, thẩm định việc đáp ứng yêu cầu về thực hiện nhiệm vụ, tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp viên chức dự xét theo quy định tại các Thông tư 01,02,03/2021/TT-BGDĐT sửa đổi tại Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 13/2024/TT/BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 66/2024/TT-BTC ngày 06/9/2024 của Bộ Tài chính quy định chức danh, mã số, tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành kế toán và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ kế toán viên lên kế toán viên chính trong đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Địa điểm xét: Tại phòng họp UBND huyện.

3. Thời gian xét:

- Ban hành Đề án, thông báo thu hồ sơ, thành lập Hội đồng xét thăng hạng CDNN viên chức: dự kiến xong trước ngày 04/6/2025.

- Thu nhận hồ sơ: dự kiến xong trước ngày 08/6/2025.

- Chấm điểm thẩm định hồ sơ: dự kiến xong trước ngày 11/6/2025.

- Hợp xét phê duyệt kết quả thăng hạng: dự kiến xong trước ngày 15/6/2025.

- Hoàn thiện ban hành Quyết định thăng hạng CDNN: dự kiến xong trước ngày 20/6/2025.

VI. XÁC ĐỊNH NGƯỜI TRÚNG TUYỂN; BỔ NHIỆM VÀ XẾP LƯƠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP ĐỐI VỚI VIÊN CHỨC TRÚNG TUYỂN KỲ XÉT THĂNG HẠNG

1. Xác định người trúng tuyển

- Việc xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành.

- Không bảo lưu kết quả các kỳ thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

2. Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển

- Người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng quyết định hoặc ủy quyền quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp đối với viên chức đã trúng tuyển (*theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 42 Nghị định 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ*).

- Thực hiện xếp lương đối với viên chức trúng tuyển theo Thông tư số 02/2007/TT-BNV ngày 25/5/2007 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức.

VII. TỔ CHỨC XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

1. Chuẩn bị tổ chức xét thăng hạng

Công tác chuẩn bị tổ chức xét thăng hạng thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nội vụ, gồm:

a) Căn cứ quy định cụ thể của Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành về tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, Chủ tịch Hội đồng phổ biến nội dung, hình thức xét thăng hạng; phân công nhiệm vụ từng thành viên tham gia Hội đồng.

b) Nội dung thẩm định, chấm điểm hồ sơ xét thăng hạng phải căn cứ vào quy định và hướng dẫn của Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành và yêu cầu của chức danh nghề nghiệp viên chức xét thăng hạng; phải bảo đảm tính chính xác, công bằng, khách quan, khoa học.

c) Trường hợp Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quy định việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, ngoài việc thẩm định hồ sơ còn quy định các hình thức khác thì thực hiện theo quy định tại điểm c,d,đ khoản 1 Điều 35 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nội vụ.

d) Trước ngày tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp ít nhất 01 ngày làm việc, Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng phải hoàn thành các công tác chuẩn bị cho việc xét thăng hạng, gồm:

- Các mẫu biểu liên quan đến tổ chức xét thăng hạng; các mẫu biên bản khác có liên quan đến việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Chuẩn bị thẻ cho các thành viên Hội đồng, Ban thẩm định hồ sơ và bộ phận phục vụ kỳ xét thăng hạng. Thẻ của Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Hội đồng, in đầy đủ họ tên và chức danh. Thẻ của các thành viên khác chỉ in chức danh.

2. Tổ chức thẩm định, chấm điểm hồ sơ

Căn cứ khoản 2 Điều 35 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nội vụ, việc tổ chức thẩm định, chấm điểm hồ sơ được thực hiện như sau:

a) Thành viên Ban Thẩm định hồ sơ được phân công cùng tiến hành thẩm định, chấm điểm chung đối với từng hồ sơ và ghi điểm (*điểm thành phần và tổng điểm*) vào phiếu chấm điểm của mỗi hồ sơ đó, trong đó có điểm cộng thêm (*nếu có*) và cùng ký, ghi rõ họ tên vào phiếu chấm điểm. Việc thẩm định, chấm điểm hồ sơ thực hiện theo đúng quy định, hướng dẫn của Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quy định về nội dung, hình thức xét thăng hạng.

b) Khi thẩm định, chấm điểm hồ sơ, nếu các thành viên không thống nhất thì chuyển kết quả lên Trưởng ban Thẩm định hồ sơ để xem xét, quyết định.

c) Kết quả thẩm định, chấm điểm hồ sơ của từng ứng viên phải được tổng hợp vào bảng tổng hợp kết quả chung có chữ ký của các thành viên tham gia thẩm định, chấm điểm hồ sơ và Trưởng ban Thẩm định hồ sơ.

d) Trưởng ban Thẩm định hồ sơ tổng hợp, niêm phong và bàn giao cho Thư ký Hội đồng.

3. Tổng hợp, quyết định kết quả xét thăng hạng

Theo quy định tại khoản 4 Điều 35 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nội vụ:

a) Thư ký Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm tổng hợp kết quả xét thăng hạng của các ứng viên để báo cáo Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng.

b) Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng tổ chức họp để xem xét kết quả xét thăng hạng của các ứng viên; các thành viên của Hội đồng trao đổi, thảo luận công khai, dân chủ về kết quả xét thăng hạng của các ứng viên.

c) Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức xem xét, quyết định công nhận kết quả xét thăng hạng.

4. Việc xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ quản lý chức danh nghề

nghiệp viên chức chuyên ngành (theo quy định tại khoản 5 Điều 35 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ).

5. Giải quyết khiếu nại, tố cáo

Căn cứ Điều 37 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nội vụ, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện như sau:

a) Trong quá trình tổ chức kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, trường hợp có đơn thư phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo thì Hội đồng xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

b) Trường hợp có đơn thư phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo về các nội dung liên quan đến kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức sau khi Hội đồng đã giải thể thì cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

6. Lưu trữ tài liệu

Việc lưu trữ tài liệu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức thực hiện theo quy định tại Điều 38 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nội vụ.

VIII. KINH PHÍ XÉT THĂNG HẠNG

Kinh phí phục vụ kỳ xét giao Phòng Nội vụ lập dự toán gửi Phòng Tài chính thẩm định, trình Chủ tịch UBND huyện quyết định cấp về Phòng Nội vụ để phục vụ Kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo quy định hiện hành.

Phần III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. PHÒNG NỘI VỤ

1. Tham mưu trình Chủ tịch UBND huyện thành lập Hội đồng xét và Ban Giám sát kỳ xét; trình Hội đồng xét các ban, bộ phận giúp việc cho Hội đồng xét theo Đề án và quy định của pháp luật.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan và cá nhân liên quan giúp UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện tổ chức triển khai kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông từ hạng III lên hạng II, kế toán viên từ hạng IV lên hạng III huyện Xín Mần năm 2025 theo quy định.

3. Chuẩn bị các điều kiện cần thiết và dự trù kinh phí phục vụ kỳ xét, thực hiện những nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng phân công.

4. Tổ chức lưu trữ tài liệu, hồ sơ của kỳ xét theo quy định.

III. PHÒNG TÀI CHÍNH

Căn cứ Đề án này và Kế hoạch xét, tiến hành thẩm định dự toán kinh phí tổ chức kỳ xét, trình Chủ tịch UBND huyện kịp thời quyết định cấp đủ kinh phí để tổ chức kỳ xét theo quy định.

IV. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN

1. Thực hiện các nội dung theo Đề án.
2. Cử công chức, viên chức tham gia các ban, bộ phận giúp việc Hội đồng xét.
3. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng xét phân công.
4. Phối hợp, thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng xét phân công và quy định của pháp luật.
5. Căn cứ số lượng người làm việc được giao năm 2025, danh mục vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II, kế toán viên hạng III còn thiếu so với vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; lập danh sách và hồ sơ viên chức thuộc đơn vị quản lý có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng nộp tại Bộ phận một cửa huyện.

Trên đây là Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông từ hạng III lên hạng II, kế toán viên từ hạng IV lên hạng III huyện Xín Mần năm 2025. Trong quá trình triển khai, tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, phát sinh, UBND huyện sẽ xem xét quyết định điều chỉnh hoặc bổ sung cho phù hợp theo quy định của pháp luật./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Thường trực Huyện uỷ;
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- CVP HĐND&UBND UBND huyện;
- Phòng Nội vụ;
- Các phòng QLNN thuộc UBND huyện;
- Các trường học thuộc UBND huyện;
- Lưu: VT, NV.

Nguyễn Tiến Hùng

**SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC
KHÔNG GIỮ CHỨC VỤ LÃNH ĐẠO QUẢN LÝ HIỆN CÓ VÀ ĐĂNG KÝ CHỈ TIÊU THĂNG HẠNG VIÊN CHỨC
TỪ HẠNG III LÊN HẠNG II VÀ HẠNG IV LÊN HẠNG III NĂM 2025**

(Kèm theo Đề án số 135/ĐA-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2025 của UBND huyện Xín Mần)

Biểu 01

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng, cơ cấu hạng CDNN hiện có						Số lượng, cơ cấu hạng CDNN theo Đề án vị trí việc làm được phê duyệt					Số viên chức còn thiếu theo yêu cầu VTVL		Đề nghị phê duyet chỉ tiêu thăng hạng CDNN viên chức		Ghi chú
		Tổng số	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Hạng V	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Hạng V	Hạng II	Hạng III	Hạng II	Hạng III	
1	2	3=4+5+6+7+8	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1	Giáo viên mầm non	377	0	169	208			38	189				20		15		
2	Giáo viên tiểu học	468	0	185	283			47	234				49		16		
3	Giáo viên THCS	258	2	120	136			26	129				9		4		
4	Kế toán trường học	28	0	0	24	4		0	0	28	0			2			

DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
TỪ HẠNG III LÊN HẠNG II VÀ TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III NĂM 2025
(Kèm theo Đề án số 135/ĐA-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2025 của UBND huyện Xin Mần)

Biểu 02

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Mã số chức danh nghề nghiệp đăng ký dự xét	Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự xét				Được miễn	
								Hệ số lương	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ		Trình độ chuyên môn; chuyên ngành đào tạo	Trình độ quản lý nghề nghiệp	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ
1	2 (Họ, tên đệm)	3 (Tên)	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I	HẠNG III LÊN HẠNG II															
1	Hoàng Thị	Phong	12/10/1989	Nùng	Giáo viên	Trường Mầm Non Nàn Ma	12 năm 2 tháng	3,03	V.07.02.26	V.07.02.25	ĐHSP mầm non	Chứng chỉ CDNN hạng III	UDTHCB	B	x	x
2	Vương Thị	Liên	28/02/1989	La chi	Giáo viên	Trường MN Bản Dú	3 năm 5 tháng	3,34	V.07.02.26	V.07.02.25	ĐHSP mầm non	Chứng chỉ CDNN hạng III	UDTHCB	B	x	x
3	Hoàng Thị	Tú	10/04/1990	Tày	Giáo viên	Trường Mầm Non Chí Cả	11 năm 3 tháng	3,03	V.07.02.26	V.07.02.25	ĐHSP mầm non	Chứng chỉ CDNN hạng III	UDTHCB	B	x	x
4	Vàng Thị	Vươn	22/12/1987	Tày	Giáo Viên	Trường MN Bản Ngò	12 năm 6 tháng	3.03	V.07.02.26	V.07.02.25	ĐHSP mầm non	Chứng chỉ CDNN hạng III	UDTHCB	B	x	x

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Mã số chức danh nghề nghiệp đăng ký dự xét	Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự xét				Được miễn	
							Hệ số lương	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ		Trình độ chuyên môn; chuyên ngành đào tạo	Trình độ quản lý nghề nghiệp	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ
5	Tải Thị Nhung	13/10/1991	Nùng	Giáo Viên	Trường MN Bản Ngò	12 năm 6 tháng	3.03	V.07.02.26	V.07.02.25	ĐHSP mầm non	Chứng chỉ CDNN hạng III	UDTHCB	B	x	x
6	Hoàng Ngọc Trang	02/06/1988	Kinh	Giáo Viên	Trường MN Bản Ngò	12 năm 6 tháng	3.03	V.07.02.26	V.07.02.25	ĐHSP mầm non	Chứng chỉ CDNN hạng III	UDTHCB	B	x	x
7	Hoàng Thị Tuyết	30/10/1987	Tày	Giáo Viên	Trường MN Bản Ngò	13 năm 8 tháng	3.03	V.07.02.26	V.07.02.25	ĐHSP mầm non	Chứng chỉ CDNN hạng III	UDTHCB	B	x	x
8	Nguyễn Thị Thu Hiền	04/02/1993	Kinh	Giáo Viên	Trường MN Bản Ngò	4 năm	2,10	V.07.02.26	V.07.02.25	ĐHSP mầm non	Chứng chỉ CDNN hạng III	UDTHCB	B	x	x
9	Hoàng Thị Diệp	06/04/1988	Tày	Giáo viên	Trường Mầm non Quảng Nguyên	15 năm 10 tháng	3,34	V.07.02.26	V.07.02.25	ĐHSP mầm non	Chứng chỉ CDNN hạng III	UDTHCB	B	x	x
10	Phàn Thị Dung	16/03/1991	Dao	Giáo viên	Trường Mầm non Quảng Nguyên	13 năm 9 tháng	3,34	V.07.02.26	V.07.02.25	ĐHSP mầm non	Chứng chỉ CDNN hạng III	UDTHCB	B	x	x
11	Hoàng Thị Dòng	07/10/1986	Tày	Giáo viên	Trường Mầm non Quảng Nguyên	13 năm 9 tháng	3,03	V.07.02.26	V.07.02.25	ĐHSP mầm non	Chứng chỉ CDNN hạng III	UDTHCB	B	x	x

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Mã số chức danh nghề nghiệp đăng ký dự xét	Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự xét				Được miễn	
							Hệ số lương	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ		Trình độ chuyên môn; chuyên ngành đào tạo	Trình độ quản lý nghề nghiệp	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ
12	Nguyễn Thị Huệ	24/09/1988	Tày	Giáo viên	Trường Mầm non Quảng Nguyên	13 năm 9 tháng	3,03	V.07.02.26	V.07.02.25	ĐHSP mầm non	Chứng chỉ CDNN hạng III	UDTHCB	B	x	x
13	Hoàng Thị Huyệt	02/08/1991	Tày	Giáo viên	Trường Mầm non Chế Là	4 năm 6 tháng	3,03	V.07.02.26	V.07.02.25	ĐHSP mầm non	Chứng chỉ CDNN hạng III	UDTHCB	B	x	x
14	Hoàng Thị Thu	06/11/1987	Nùng	Giáo viên	Trường Mầm non Chế Là	3 năm 9 tháng	2,72	V.07.02.26	V.07.02.25	ĐHSP mầm non	Chứng chỉ CDNN hạng III	UDTHCB	B	x	x
15	Hoàng Thị Vui	06/07/1989	Tày	Giáo viên	Trường Mầm non Cốc Rế	12 năm 10 tháng	3,03	V.07.02.26	V.07.02.25	ĐHSP mầm non	Chứng chỉ CDNN hạng III	UDTHCB	B	x	x
16	Hoàng Thị Thuý	27/2/1978	Tày	Giáo viên	Trường PTDTBT TH Nấm Dẩn	23 năm 8 tháng	4,32	V.07.03.29	V.07.03.28	ĐHSP tiểu học	Chứng chỉ CDNN hạng III	UDTHCB	B	x	x
17	Ma Trọng Tuấn	14/9/1986	Tày	Giáo viên	Trường PTDTBT TH Nấm Dẩn	11 năm 9 tháng	3	V.07.03.29	V.07.03.28	ĐHSP tiểu học	Chứng chỉ CDNN hạng III	UDTHCB	B	x	x
18	Nguyễn Đình Mạnh	16/6/1991	Tày	Giáo viên	Trường PTDTBT TH Nấm Dẩn	9 năm 5 tháng	2,67	V07.03.29	V.07.03.28	ĐHSP tiểu học	Chứng chỉ CDNN hạng III	UDTHCB	B	x	x

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Mã số chức danh nghề nghiệp đăng ký dự xét	Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự xét				Được miễn	
							Hệ số lương	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ		Trình độ chuyên môn; chuyên ngành đào tạo	Trình độ quản lý nghề nghiệp	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ
19	Lương Thị Vinh	14/11/1983	Tày	Giáo viên	Trường PTDTBT TH Nám Dăn	17 năm 7 tháng	3,66	V.07.03.29	V.07.03.28	ĐHSP tiểu học	Chứng chỉ CDNN hạng III	UDTHCB	B	x	x
20	Phạm Thành Luân	14/9/1988	Kinh	Giáo viên	Trường PTDTBT TH Nám Dăn	15 năm 7 tháng	3,33	V07.03.29	V.07.03.28	ĐHSP tiểu học	Chứng chỉ CDNN hạng III	UDTHCB	B	x	x
21	Lương Văn Tình	22/08/1988	Tày	Giáo viên	Trường PTDTBT TH Bản Dịu	15 năm 10 tháng	3,33	V.07.03.29	V.07.03.28	ĐHSP Âm nhạc	Chứng chỉ CDNN hạng III	UDTHCB	B	x	x
22	Vàng Văn Triu	03/04/1984	Nùng	Giáo viên	Trường PTDTBT TH Thèn Phàng	11 năm 5 tháng	3,00	V.07.03.29	V.07.03.28	ĐHGD thể chất	Chứng chỉ CDNN hạng III	UDTHCB	B	x	x
23	Đặng Ngọc Đồng	05/05/1990	Kinh	Giáo viên	Trường PTDTBT TH Trung Thịnh	12 năm 06 tháng	3,0	V.07.03.29	V.07.03.28	ĐHSP tiểu học	Chứng chỉ CDNN hạng III	UDTHCB	B	x	x
24	Hà Thị Ninh	29/10/1989	Mường	Giáo viên	Trường PTDTBT TH Trung Thịnh	15 năm 06 tháng	3,33	V.07.03.29	V.07.03.28	ĐHSP tiểu học	Chứng chỉ CDNN hạng III	UDTHCB	B	x	x
25	Hoàng Thị Đài	28/06/1986	Tày	Giáo viên	Trường PTDTBT TH Trung Thịnh	13 năm 08 tháng	3,33	V.07.03.29	V.07.03.28	ĐHSP tiểu học	Chứng chỉ CDNN hạng III	UDTHCB	B	x	x

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Mã số chức danh nghề nghiệp đăng ký dự xét	Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự xét				Được miễn	
							Hệ số lương	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ		Trình độ chuyên môn; chuyên ngành đào tạo	Trình độ quản lý nghề nghiệp	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ
26	Thần Văn Vinh	20/07/1990	Nùng	Giáo viên	Trường PTDTBT TH Trung Thịnh	9 năm 04 tháng	2,67	V.07.03.29	V.07.03.28	ĐHSP tiểu học	Chứng chỉ CDNN hạng III	UDTHCB	B	x	x
27	Hoàng Thị Lợi	17/7/1987	Tày	Giáo viên	Trường PTDTBT TH Trung Thịnh	9 năm 04 tháng	2,67	V.07.03.29	V.07.03.28	ĐHSP tiểu học	Chứng chỉ CDNN hạng III	UDTHCB	B	x	x
28	Sin Văn Lương	20/05/1983	Nùng	Giáo viên	Trường PTDTBT TH Thu Tà	14 năm 07 tháng	3,34	V.07.03.29	V.07.03.28	ĐHSP tiểu học	Chứng chỉ CDNN hạng III	UDTHCB	B	x	x
29	Ma Văn Thuận	09/5/1987	Tày	Giáo viên	Trường PTDTBT TH Nàn Xin	11 năm 10 tháng	3,00	V.07.03.29	V.07.03.28	ĐHSP tiểu học	Chứng chỉ CDNN hạng III	UDTHCB	B	x	x
30	Hoàng Văn Điềm	11/01/1989	Tày	Giáo viên	Trường PTDTBT TH Nàn Xin	10 năm 1 tháng	2,67	V.07.03.29	V.07.03.28	ĐHSP tiểu học	Chứng chỉ CDNN hạng III	UDTHCB	B	x	x
31	Phùng Văn Nguyên	11/11/1986	Kinh	Giáo viên	Trường PTDTBT TH Nàn Xin	14 năm 10 tháng	3,66	V.07.03.29	V.07.03.28	ĐHSP tiểu học	Chứng chỉ CDNN hạng III	UDTHCB	B	x	x
32	Lộc Thị Nhập	01/03/1979	Tày	Giáo viên	Trường PTDTBT THCS Trung Thịnh	21 năm 6 tháng	3,99	V.07.04.32	V.07.04.31	Đại học SP sinh	Chứng chỉ CDNN hạng III	UDTHCB	B	x	x

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Mã số chức danh nghề đăng ký dự xét	Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự xét				Được miễn	
							Hệ số lương	Mã số chức danh nghề hiện giữ		Trình độ chuyên môn; chuyên ngành đào tạo	Trình độ quản lý nghề nghịệp	Trình độ tín học	Trình độ ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ
33	Long Văn Lý	15/04/1985	La Chí	Giáo viên	Trường PTDTBT THCS Trung Thịnh	15 năm 6 tháng	3,66	V.07.04.32	V.07.04.31	ĐHSP GD&ĐT	Chứng chỉ CDNN hạng III	UDTHCB	B	x	x
34	Vũ Thị Dung	15/09/1986	Kinh	Giáo viên	PTDTBT THCS Chế Là	11 năm 10 tháng	3,33	V.07.04.32	V.07.04.31	ĐHSP Mỹ thuật	Chứng chỉ CDNN hạng III	UDTHCB	B	x	x
35	Nguyễn Thị Quyên	14/06/1990	Tày	Giáo viên	PTDTBT THCS Nàn Ma	11 năm 4 tháng	3,33	V.07.04.32	V.07.04.31	ĐH SP Ngữ văn	Chứng chỉ CDNN hạng III	UDTHCB	B	x	x
II	HẠNG IV LÊN HẠNG III														
1	Vũ Thị Chuyển	09/11/1987	Kinh	Kế toán	Trường PTDTNT THCS xã Xín Màn	13 năm	3,34	V.06.032	V.06.031	ĐH Kế toán	Chứng chỉ kê toán viên	UD THCB	B	X	X
2	Lý Chín Mần	03/06/1985	Hoa	Kế toán	Trường PTDTBT TH Trung Thịnh	13 năm 1 tháng	2,86	V.06.032	V.06.031	ĐH Kế toán	Chứng chỉ kê toán viên	UD THCB	B	X	X

Danh sách ấn định 37 người